VẤN ĐỀ THÀNH PHẦN CÂU TRONG MỘT SỐ SÁCH *TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH*

THE ISSUES ON TEACHING SENTENCE COMPONENTS IN SOME TEXTBOOKS OF *PRACTICING ON VIETNAMESE ACADEMIC TEXTS*

ĐỖ HỒNG DƯƠNG
(TS; Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: This article refers to the issues on teaching sentence components in some textbooks of Practicing on Vietnamese academic texts. Based on the summary of the sentence components taught at high school, the article will survey the teaching of sentence components in some textbooks of Practicing on Vietnamese academic texts at university, to determine the same and different points between the university knowledge and knowledge at school. From that, there is a general and common view about the sentence components at the tertiary level.

Key words: teaching; sentence components; textbooks; practicing; Vietnamese academic text.

Là một môn học dạy cho sinh viên năm thứ nhất, *Tiếng Việt thực hành* không đi sâu vào dạy kiến thức lí thuyết, mà thông qua các dạng bài tập để rèn luyện các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cho sinh viên, trong đó có vấn đề nhận diện và phân tích thành phần câu. Điều này đồng nghĩa với việc sinh viên phải vận dụng các kiến thức đã có từ bậc phổ thông để giải quyết các bài tập thực hành. Tuy nhiên, các bài tập trong sách có phù hợp với các kiến thức thành phần câu ở bậc phổ thông hay không, và các kiến thức chung về thành phần câu trong các sách dạy *Tiếng Việt thực hành* có thống nhất với nhau hay không lại là một điều cần bàn tới.

1. Tổng quan về các thành phần câu được dạy ở bậc phổ thông

Theo chủ trương của các nhà biên soạn sách giáo khoa (SGK), việc dạy tiếng Việt ở phổ thông được thực hiện theo quan điểm giao tiếp, vì mặc dù "trước tuổi đến trường, trẻ em cả nước đều đã có khả năng nghe và nói tiếng Việt tương đối thạo, thậm chí có em được người lớn dạy trước còn biết đọc, biết viết ít nhiều", nhưng "các kĩ năng hình thành ở lứa tuổi tiền học đường mới chỉ là kĩ năng giao tiếp thông thường" [Nguyễn Minh Thuyết 2006, tr25]. Và dạy học tiếng Việt trong nhà trường là để giúp các em phát triển các kĩ năng giao tiếp thông thường ấy thành kĩ năng giao tiếp thành thục trong môi trường ngôn ngữ văn hóa.

Chính vì mục đích này, mà chương trình SGK từ sau năm 2000 đã có sự thay đổi. Trước năm 2000, chương trình cải cách giáo dục xác định mục tiêu cung cấp lí thuyết về tiếng Việt song song với mục tiêu rèn kĩ năng thực hành. Sau năm 2000, với mục tiêu trọng tâm là rèn luyện giao tiếp, SGK phổ thông đổi mới theo hướng giảm nhẹ lí thuyết, thông qua bài tập thực hành để học sinh rút ra khái niệm về các thành phần câu, cấu trúc câu. Trong các SGK phổ thông, chương trình ngữ pháp có thể được coi là bắt đầu từ sách Tiếng Việt lớp 2, với những tiếp cận bước đầu về các kiểu câu phân loại theo mục đích nói. Các em được học *Ai làm gì?* (tuần 13, 14, trang 108, 116), *Ai thế nào?* (tuần 15, 16, 17, trang 122, 133, 142). Đây chính là cơ sở của việc học thành phần câu ở lớp học cao hơn, bắt đầu từ SGK Tiếng Việt lớp 4 với hai thành phần câu đầu tiên được đưa vào giảng dạy là chủ ngữ và vị ngữ. Đến đầu cấp trung học cơ sở (lớp 6), SGK mới tổng kết về thành phần chính, thành phần phụ của câu "Thành phần chính của câu là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu cấu

tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý nghĩa trọn vẹn. Thành phần không bắt buộc có mặt được gọi là thành phần phụ" [Ngữ văn 6 tập 2, tr93]. Bên cạnh đó, song song với việc giới thiệu các thành phần câu, chương trình tiếng Việt còn giới thiệu các kiểu câu đơn trong tiếng Việt như câu trần thuật đơn có từ "là" (bài 27, [Ngữ văn 6 tập 2, tr.114-116]), câu đơn trần thuật không có từ "là" (bài 28, [Ngữ văn 7 tập 2, tr.118]).

Hệ thống thành phần câu được giảng dạy ở bậc phổ thông có thể được tóm lược trong một bảng như sau:

Thành phần câu		Định nghĩa, cấu tạo, cách nhận diện	Nguồn
Thành phần chính: TPC của câu là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn. Thành phần không bắt buộc có mặt được gọi là thành phần phụ.	Chủ ngữ	**Định nghĩa:** Là thành phần chính của câu nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm, trạng thái….được miêu tả ở vị ngữ. **Cách nhận diện:** Chủ ngữ trả lời cho các câu hỏi Ai, Con gì, hoặc Cái gì? **Cấu tạo:** Chủ ngữ thường là danh từ, đại từ, hoặc cụm danh từ. Trong những trường hợp nhất định, động từ, tính từ, hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ (Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ)	[Tiếng Việt 4 tập 2, tr. 6, 16, 23, 24, 36, 57, 68, 78] [Ngữ văn 6 tập 2, tr.92, 93]
	Vị ngữ	**Định nghĩa:** Thành phần chính của câu có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian **Cách nhận diện:** trả lời cho các câu hỏi Làm gì, Làm sao, Như thế nào, Là gì? **Cấu tạo:** Thường là động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ, danh từ hoặc cụm danh từ Câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ Trong câu trần thuật đơn có từ *là*: Vị ngữ thường do từ "là" kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo thành. Ngoài ra, tổ hợp giữa từ "là" với động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ)… cũng có thể làm vị ngữ. Khi vị ngữ biểu thị ý phủ định, nó kết hợp với các cụm từ *không phải, chưa phải*. Những câu dùng để miêu tả hành động, trạng thái, đặc điểm…của sự vật nêu ở chủ ngữ được gọi là câu miêu tả. Trong câu miêu tả, chủ ngữ đứng trước vị ngữ Những câu dùng để thông báo về sự xuất hiện, tồn tại, hoặc tiêu biến của sự vật được gọi là câu tồn tại. Một trong những cách tạo câu tồn tại là đảo chủ ngữ xuống sau vị ngữ.	[Tiếng Việt 4 tập 2, tr. 57] [Ngữ văn 6 tập 1, tr. 92] [Ngữ văn 6 tập 2, tr. 5, 6, 7, 9, 114, 119]
Thành phần phụ	Trạng ngữ	**Định nghĩa:** Về ý nghĩa, trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu Về hình thức, trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu - Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một	[Ngữ văn 7 tập 2, tr. 39])

		quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy ghi viết - Phân loại trạng ngữ: trạng ngữ chỉ nơi chốn, thời gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện.	
	Khởi ngữ	**Định nghĩa:** Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu. Trước khởi ngữ, thường có thể thêm các quan hệ từ *về, đối với*	[Ngữ văn 9 tập 2, tr. 8)
Thành phần biệt lập là các thành phần không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập	Thành phần tình thái	**Định nghĩa:** Được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu *Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.*	[Ngữ văn 9 tập 2, tr. 18]
	Thành phần cảm thán	**Định nghĩa:** Được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận…) *Trời ơi, chỉ còn có năm phút*	[Ngữ văn 9 tập 2, tr. 18]
	Thành phần gọi đáp	**Định nghĩa:** Được dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp *Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ*	[Ngữ văn 9 tập 2, tr. 31,32]
	Thành phần phụ chú	**Định nghĩa:** Được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. Thành phần phụ chú thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn, hoặc giữa một gạch ngang với một dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau hai dấu chấm.	[Ngữ văn 9 tập 2, tr32]

2. Một số vấn đề về thành phần câu trong các sách Tiếng Việt thực hành

Để nắm được chương trình dạy và học thành phần câu trong các bài giảng về tiếng Việt thực hành, chúng tôi sẽ điểm lại một số giáo trình tiếng Việt thực hành mà chúng tôi thống kê được.

2.1. Sách Tiếng Việt thực hành của Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh

Phần dạy về cấu tạo câu được viết từ trang 102 đến trang 131, gồm các phần: Viết câu đúng, Viết câu trong sáng, Viết câu hay và Luyện câu. Phần nội dung dạy về thành phần câu được trình bày thông qua các mục Viết câu đúng và Viết câu trong sáng. Trong đó, chỉ có hai thành phần được đề cập đến là chủ ngữ và vị ngữ, được trình bày thông qua hệ thống các bài tập về sửa lỗi chủ ngữ và vị ngữ (câu thiếu chủ ngữ/vị ngữ, câu có chủ ngữ nhập nhằng). Các thành phần khác của câu được gọi chung là thành phần phụ mà không được các tác giả chỉ rõ là gồm những thành phần nào (được thể hiện qua các bài tập về lỗi do thành phần nòng cốt và thành phần phụ không có mối liên hệ, lỗi thể hiện sai quan hệ giữa các thành phần câu)

Trong các bài tập về lỗi thành phần câu, có một phần được tác giả đề cập là "kết cấu rối nát". Ví dụ:

Đức tính của người phụ nữ trong phong trào "Ba đảm đang" đã được phát huy cao độ từ đức tính sẵn có mà chị Dậu đã mang lấy đến nay hai mươi bảy năm chẵn là bài học quý báu tuy đối với nay thì đức tính đó chưa đầy đủ hoàn chỉnh (tr.111).

Đây là một kiểu câu không gãy gọn, tổng hợp rất nhiều lỗi về thành phần câu. Tuy nhiên cách dùng thuật ngữ "rối nát" có lẽ nên được bàn lại và nên sử dụng một thuật ngữ khác giản dị hơn (ví dụ "chập cấu trúc", "cấu trúc nhập nhằng",…).

Trong cuốn sách này, tác giả có một tiểu mục "viết câu trong sáng" và đập nhập khái niệm "câu không trong sáng" là câu mơ hồ.

Chúng tôi cho rằng câu mơ hồ là loại câu có hình thức cấu trúc cho phép hiểu câu theo nhiều nghĩa, và không thể trùng làm một với loại câu "không trong sáng", thường được hiểu là kiểu câu có những cách hiểu không đúng với thuần phong mĩ tục của người Việt.

Các trường hợp câu mơ hồ do sự không rõ ràng trong việc phân định thành phần phụ của câu và của từ (trong sách, các tác giả gọi là cấu trúc nổi và cấu trúc chìm) được lấy ví dụ như:

- Do nhập nhằng giữa bổ ngữ của vị từ với trạng ngữ của câu. Ví dụ:

Tôi có người bạn học ở Huế. (Tôi có người bạn /học ở Huế, Tôi có người bạn học/ở Huế)

- Do ranh giới giữa vị ngữ chính và vị ngữ phụ không rõ ràng. Ví dụ:

Mẹ con đi chợ chiều mới về. (Mẹ con đi chợ / chiều mới về, Mẹ con đi chợ chiều/mới về)

(Thực ra, nếu xét kĩ về từng ngữ đoạn thì câu này phải có 4 cách hiểu, bởi ngữ đoạn "mẹ con" có thể hiểu là "mẹ của con" hoặc "mẹ và con").

- Do thiếu thành phần câu hoặc đặt sai vị trí thành phần câu. Ví dụ:

Bố đi công tác xa, mẹ ở nhà viết thư, rồi bế tôi ra bưu điện bỏ vào hòm thư

Ngoài ra, tác giả sách có đề cập đến "vị ngữ phụ" nhưng khái niệm vị ngữ phụ không được các tác giả thuyết minh, trong khi ở phổ thông đây là khái niệm các học sinh chưa được học. Theo Jakhontov (1971), đây là thành phần "đứng ở vị trí trước chủ ngữ mà có thể cùng với chủ ngữ tạo thành một câu trọn vẹn" [Nguyễn Văn Hiệp 2009, tr.199]. Vị ngữ phụ còn được gọi là tiền vị ngữ bởi vị trí của nó đứng trước nòng cốt câu. Về mặt tên gọi, thành phần này có thể có nhiều tên gọi khác nhau như trạng ngữ tình thái (Nguyễn Kim Thản), trạng ngữ chỉ tình huống hay vị ngữ phụ (Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương), gia ngữ câu (Diệp Quang Ban), vị ngữ đồng chức (Nguyễn Minh Thuyết và Nguyễn Văn Hiệp), minh xác ngữ (Đào Thanh Lan),...

Trong sách còn một số cách diễn đạt mang phong cách khẩu ngữ hơn là văn phong khoa học (như *Còn về hai câu (42) và (43) thì ta đành bó tay* [tr.112]). Tuy nhiên ở đây chúng tôi chỉ tập trung vào nội dung kiến thức thành phần câu nên những lỗi này chúng tôi xin được phân tích ở một dịp khác.

2.2. Sách Tiếng Việt thực hành của Trần Trí Dõi

Tác giả Trần Trí Dõi không nêu các vấn đề lí thuyết thành phần câu thành một phần riêng mà thông qua các bài đọc, yêu cầu sinh viên nhận xét về cách cấu tạo các câu. Đây là một phương pháp dạy hiệu quả, nhằm đến mục đích dạy sinh viên tạo lập văn bản, đích cuối cùng của môn Tiếng Việt thực hành.

Trong bài tập 26 (tr.69), dựa trên việc phân tích ví dụ một số câu cụ thể, tác giả lồng ghép ngắn gọn các kiến thức về nòng cốt câu (gồm thành phần chủ ngữ và vị ngữ), và phân biệt giữa thành phần phụ của câu và thành phần phụ của ngữ (tuy tác giả không chỉ rõ là thành phần gì).Ví dụ:

Bằng các nguồn vốn, Sóc Sơn đã đầu tư hơn
TP phụ của câu CN VN
5 tỉ đồng xây dựng 7 trường học cao tầng, trong đó có 1 trường PTTH, 1 trường BTVH,
TP phụ của ngữ
trường TH-THCS.

Cũng trong bài tập này, tác giả dẫn ra một số ví dụ về kiểu câu không có chủ ngữ/khuyết chủ ngữ, và xếp thành hai nhóm:

Nhóm 1: câu tồn tại (không có chủ ngữ). Ví dụ: 6) *Ngày xưa có người lái buôn rất giàu có, tên là Vạn Lịch*

Nhóm 2: câu đặc biệt (chỉ có thành phần vị ngữ và có thể khôi phục chủ ngữ nhờ văn cảnh của câu). Ví dụ: *Chung quanh chỗ ngồi trang hoàng toàn gấm vóc.*

Xét về khái niệm, câu tồn tại trong quan điểm của tác giả không tương ứng với khái niệm trong sách phổ thông[4]. Ở bậc phổ thông, câu tồn tại được cho là có cấu trúc "trạng ngữ + vị ngữ + chủ ngữ", theo đó trong câu: *Ngày xưa có người lái buôn rất giàu có [...]* "có" là vị ngữ, còn phần gạch chân sẽ đóng vai trò là

[4] Chúng tôi chỉ đơn thuần so sánh về kiến thức giữa bậc phổ thông và đại học, không bàn đến tính đúng sai của khái niệm.

chủ ngữ (chứ không phải cả cụm *có người lái buôn rất giàu có* là vị ngữ).

Còn câu đặc biệt, theo cách định nghĩa của SGK phổ thông là "*loại câu không được cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ*" và được phân biệt với câu rút gọn - cũng được cấu tạo theo mô hình này nhưng chủ ngữ, vị ngữ, hoặc đôi khi cả hai bị lược bỏ vì những mục đích nhất định. Như vậy, câu rút gọn là loại câu có thể khôi phục lại chủ ngữ hoặc vị ngữ tùy theo văn cảnh, còn câu đặc biệt là loại câu không khôi phục lại được chủ ngữ hoặc vị ngữ. Trong phần giải thích về câu đặc biệt, quan điểm của tác giả là loại câu này có thể khôi phục được chủ ngữ nhờ văn cảnh của câu. Đây là một quan điểm khác với quan điểm trong SGK phổ thông.

Từ bài 27 đến bài 32 (tr.73-tr.88), thông qua các bài tập, tác giả hướng dẫn sinh viên thực hành các thao tác: 1/Chữa câu sai do thiếu thành phần chính (mà ngữ cảnh không cho phép hiểu được câu); 2/Rút gọn câu bằng cách lược bỏ các thành phần phụ của câu mà nội dung thông báo không thay đổi; 3/Thay đổi trật tự thành phần câu (thực chất đây là các thao tác liên quan đến lí thuyết về vị trí của các thành phần phụ, như trạng ngữ có thể đứng ở 3 vị trí trong câu, và liên quan đến sự phân biệt giữa thành phần phụ của câu và của ngữ).

Đây là một cuốn sách có cách trình bày và cách tiếp cận vấn đề ngữ pháp tương đối mới mẻ, phù hợp với phương pháp dạy ngữ pháp gắn liền với tạo lập văn bản và giao tiếp. Mặc dù không có nhiều kiến thức lí thuyết và khái niệm cũng như không trình bày cụ thể về tiêu chí nhận diện thành phần câu, nhưng các bài tập đan xen giữa đọc văn bản và phân tích câu khiến cho học sinh có thể tổng hợp được các kĩ năng và vận dụng linh hoạt các kĩ năng đọc hiểu văn bản và phân tích thành phần câu của mình.

2.3. Sách Tiếng Việt thực hành của Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng

Mặc dù không đưa ra các lí thuyết cụ thể về thành phần câu, nhưng trong phần "Câu phải viết đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt", các tác giả đã tổng kết lại các thành phần có mặt trong câu và vị trí của chúng trong câu, gồm: (tr.151-tr.152).

- Thành phần nòng cốt: chủ ngữ - vị ngữ. Ví dụ: *Nó ngủ*

Quyển sách này rất hay

- Thành phần phụ: trạng ngữ (có thể đứng tự do trong câu: đầu, giữa, cuối câu: *Ngày mai, tôi nghỉ học/Tôi ngày mai nghỉ học/Tôi nghỉ học ngày mai*); đề ngữ (đứng ở vị trí đầu câu: *Giàu, tôi cũng giàu rồi*); phần chuyển tiếp (thường đứng đầu câu: *Nói tóm lại, chúng ta đang gặp nhiều khó khăn*); phần hô - đáp (thường có hai vị trí, đầu câu: *Nam ơi, lại đây*, hoặc cuối câu: *Lại đây Nam ơi*); phần phụ chú (đi kèm ngay những từ mà nó bổ sung, giải thích: *Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều, là nhà thơ lớn của dân tộc ta*).

Như vậy, so với hệ thống thành phần câu được dạy ở SGK phổ thông, sách có thành phần chuyển tiếp và không có thành phần tình thái, cảm thán. Sách cũng không phân loại đâu là thành phần phụ và đâu là thành phần biệt lập.

Từ đó, các tác giả đưa ra một số kiểu câu sai thành phần câu, gồm: 1/Câu không đủ thành phần; 2/Câu không phân định rõ thành phần (ví dụ: *Bằng trí tuệ sắc bén, thông minh của người lao động không những đấu tranh trực tiếp mà còn đấu tranh gián tiếp chống chế độ phong kiến)*;3/Câu sắp xếp sai vị trí các thành phần (ví dụ: *Ý kiến phát biểu tại đây, đồng chí Chủ tịch nhấn mạnh (...)*).

Phần Thao tác rèn luyện về câu, các tác giả có phần đề cập đến kiểu câu có mô hình đảo trật tự thành phần câu (đây là kiểu câu không được nhắc đến trong SGK phổ thông), mà tác giả Diệp Quang Ban đã tổng kết là loại câu có mô hình tồn tại, ví dụ:

Trong im lặng bỗng cất lên những hồi còi xin đường

Hay các loại câu cảm thán có mô hình chủ-vị đảo, ví dụ:

Đẹp biết bao cuộc chiến đấu anh hùng

Rèn luyện kĩ năng về các kiểu câu này, trong phần bài tập, tác giả có nêu một số câu để phân tích thành phần câu và nhận xét về trật tự các thành phần, ví dụ:

Từ mẻ trái của nhà kho nhô lên một bóng người

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, với những kiểu câu thường xuất hiện trong giao tiếp (văn bản và lời nói) của người Việt như thế này, thì không nên coi cấu trúc đó chỉ là biến thể từ một cấu trúc khác, nghĩa là cần phải xem lại việc cho rằng đó chỉ là cấu trúc đảo của một cấu trúc thuận khác. Để hiểu rõ hơn về điều này, xin xem [Đỗ Hồng Dương 2010].

2.4. Sách Rèn luyện Ngôn ngữ tập 2, Bài tập tiếng Việt thực hành, của Phan Thiều

Đây là một trong những sách tiếng Việt thực hành có nội dung kiến thức khá chi tiết, tỉ mỉ nhưng không được trình bày thành phần lí thuyết riêng biệt mà thể hiện qua hệ thống bài tập phong phú, đa dạng.

Ngoài các thành phần chính chủ ngữ, vị ngữ, tác giả có đề cập đến về phụ ngoài nòng cốt (tr.203), có thể gồm: trạng ngữ, vị ngữ phụ.

Vị ngữ phụ, ví dụ: *Thỉnh thoảng, không có việc làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm (Nam Cao) (Tr.192)*

Về thành phần trạng ngữ, theo quan điểm của tác giả, có thể phân loại thành: 1/Trạng ngữ chỉ đối tượng liên hệ (thường có quan hệ từ: *đối với*); 2/Trạng ngữ chỉ thời gian (thường có quan hệ từ: *trước, sau, vào,...*); 3/Trạng ngữ chỉ nguyên nhân (thường có quan hệ từ: *vì*, hô ứng với *nên*); 4/Trạng ngữ chỉ nơi chốn (thường có quan hệ từ: *ở, trên, trong*); 5/Trạng ngữ chỉ phương diện (thường có quan hệ từ *về*); 6/Trạng ngữ chỉ phương tiện; 7/Trạng ngữ chỉ mục đích.

Như vậy, có 7 loại trạng ngữ được đề cập đến trong giáo trình này, so với chương trình SGK phổ thông thì có thêm trạng ngữ chỉ đối tượng liên hệ và trạng ngữ phương diện, nhưng không có trạng ngữ chỉ cách thức.

Cũng trong cuốn sách này, các thành phần phụ của từ được trình bày gồm bổ ngữ và định ngữ, trong đó bổ ngữ gồm bổ ngữ phụ cho phần trước động từ và phụ cho phần sau động từ (bổ ngữ chỉ cách thức, bổ ngữ chỉ kết quả), như trong ví dụ dưới đây:

Suốt một tuần qua, ở vùng giáp ranh này, mưa
1 2
cứ rơi dầm dề, liên miên, dường như không
3 4 5
phút giây nào ngớt, cho nên đã gây trở ngại
6
cho việc thi công công trình xây dựng đầu mối này trên quốc lộ 1A. *7*

Trong đó, (3) là bổ ngữ cho phần trước động từ, (4), (5), (6) là bổ ngữ chỉ cách thức, (7) là bổ ngữ chỉ kết quả (đứng sau động từ)

Định ngữ cũng gồm hai phần: phụ trước danh từ và phụ sau danh từ. Ví dụ:

Theo lời giới thiệu của chủ tịch xã, anh cán bộ
1
có nét mặt thanh tú, cặp mắt trong sáng ánh lên dưới hai hàng lông mày hơi rậm là *một*
2 3
thanh niên *xuất sắc, lập được nhiều thành tích*
4
trong phong trào thi đua phát huy sáng kiến cải tiến công cụ sản xuất và *đã nhận được*
5
nhiều giải thưởng và bằng khen từ cấp cơ sở
6
đến cấp Trung ương Đoàn.

Trong đó, (3) là định ngữ phụ trước danh từ, và (2), (4), (5), (6) là định ngữ phụ sau danh từ.

Trong phần phân tích các kiểu câu đơn, tác giả có đề cập đến loại câu đặc biệt, là các câu khuyết một hoặc cả hai thành phần nòng cốt trong đó có kiểu câu:

Trên lần sóng, thấp thoáng thấy màu xanh hoặc đỏ viền dưới hông của những con đò máy trôi qua lại. (Nguyễn Thi).

Tác giả cho rằng đây là kiểu câu đánh giá tình hình, chỉ có vế vị ngữ (*thấp thoáng thấy...*) đi với trạng ngữ (*trên lần sóng...*), không có chủ ngữ (*Ai thấy?*) (tr.210).

Câu *"Có tiếng gà gáy"* được cho là câu chỉ sự tồn tại, không có chủ ngữ đi kèm (*Ai, cái gì có?*) (tr.210).

Câu *"Bỗng một hôm không thấy tiếng ai rao"* cũng được cho là câu mang ý nghĩa đánh giá tình hình, chỉ có vị ngữ (không thấy),

:hông có chủ ngữ tương ứng (Ai không hấy?).

Cách phân tích này trùng hợp với cách hân tích của đại đa số các tác giả khác, cho :ác kiểu câu trên là câu không có hoặc bị lược hành phần chủ ngữ. Đây cũng là quan điểm :ủa SGK phổ thông, bởi vậy dù chưa xét đến ính hợp lí thì ít nhất quan điểm này cũng đạt ược sự thống nhất trong việc dạy thành phần âu ở các cấp bậc học.

2.5. Sách Tiếng Việt thực hành của Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp

So với các sách tiếng Việt thực hành khác, sách Tiếng Việt thực hành của tác giả Nguyễn Minh Thuyết có một điểm khác biệt là bổ sung thành phần bổ ngữ bắt buộc vào thành phần nòng cốt của câu (tr.173) (trước đó, thành phần nòng cốt được quan niệm là chỉ gồm thành phần chủ ngữ và vị ngữ). Bởi vậy, phần bài tập chữa lỗi sai cũng có thêm một phần bài về sửa lỗi của loại câu thiếu bổ ngữ bắt buộc. Ví dụ:

Kẻ thù giết chết # song giết sao được tinh thần cách mạng trong con người họ (tr.176)

Bên cạnh thành phần vị ngữ, sách còn đưa ra khái niệm "đồng vị ngữ" (tr.175) qua một ví dụ thiếu vị ngữ chính mà chỉ có đồng vị ngữ. Ví dụ:

Thành Cổ, nay mang tên thị xã Quảng Trị, điểm dừng chân đầu tiên của nhà Nguyễn thời khai thiên lập địa mở mang bờ cõi đất nước. (tr.175).

Do câu trên là một câu sai, thiếu thành phần nòng cốt câu, nên có thể suy ra rằng "đồng vị ngữ" mặc dù cũng là "vị ngữ" nhưng không đóng vai trò là thành phần nòng cốt của câu. Quan điểm về "đồng vị ngữ" của các tác giả cũng giống với "vị ngữ phụ" được trình bày trong "Bài tập Tiếng Việt thực hành" của Phan Thiều, nhưng khác với khái niệm "vị ngữ phụ" truyền thống bởi "vị ngữ phụ" theo quan điểm truyền thống là thành phần "tiền vị ngữ", tức đứng trước nòng cốt câu.

Ngoài thành phần nòng cốt, sách đề cập đến các thành phần phụ gồm:

Trạng ngữ (trong phần bài tập tách thành phần phụ thành câu). Ví dụ:

Tôi phải bày ra nhiều trò khác để thấy mình có ích. Như đọc sách. Tôi nghĩ trong kháng chiến mình không có nhiều thì giờ, lại thiếu sách thì nay cố mà đọc (tr.214)

Định ngữ, ví dụ: *Mọi người Nga hôm nay đều thích làm giàu. Tiền, đó là mục đích. Duy nhất. Cao nhất. Đẹp nhất (tr.215).*

Tuy nhiên, sách cũng không trình bày rõ thành phần phụ nào là thành phần câu và thành phần phụ nào là thành phần của cụm từ.

Cũng cùng ý kiến với các tác giả Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng, tác giả Nguyễn Minh Thuyết và Nguyễn Văn Hiệp cho các loại câu như *"Trong cái hang tối tăm bẩn thỉu ấy, sống một đời khốn nạn những người gầy gò, rách rưới"* là câu có trật tự chủ ngữ - vị ngữ đảo, nhằm biểu thị sự xuất hiện, tồn tại hoặc tiêu biến của sự vật. Các tác giả chỉ rõ hiện tượng đảo chủ vị thường xuất hiện "trong những câu có vị ngữ là nội động từ (*ngồi, đứng, cháy, nổi,...*), tính từ chỉ lượng (*nhiều, ít, đông, đầy, vắng, thưa...*) và từ tượng hình-tượng thanh (*lênh khênh, sừng sững, ầm ầm, róc rách...*)" (tr.225).

Trong sách Tiếng Việt thực hành được tái bản năm 2001, các tác giả cho rằng các kiểu câu như:

(Cùng lắm, nó có giờ quê, hắn cũng chỉ đến đi ở tù). Ở tù thì hắn coi là thường

là kiểu câu có bổ ngữ (gạch chân) được đảo lên đầu câu, thể hiện phần nêu đề liên kết với những câu đứng trước. Nhưng trong các sách xuất bản sau này (Thành phần câu tiếng Việt 2005, Cú pháp học tiếng Việt 2009), các tác giả thay đổi quan điểm và cho rằng, các thành phần này không phải là bổ ngữ đảo trí, mà là thành phần khởi ngữ của câu.

Chúng tôi tán thành với quan điểm sau này của các tác giả, tuy nhiên các cách dạy tiếng Việt thực hành vẫn chưa được sửa chữa, bởi vậy thành phần khởi ngữ vẫn chưa có mặt và vẫn được gọi là thành phần bổ ngữ đảo vị trí.

Cuốn "Tiếng Việt thực hành" của Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) và Nguyễn Văn Hiệp

là cuốn được dùng phổ biến nhất trong các trường khoa học xã hội. Theo khảo sát của chúng tôi, các trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, một số trường Đại học Sư phạm ở các tỉnh (Thái Nguyên, Vinh,...) cũng sử dụng cuốn sách này làm học liệu cho sinh viên.

2.6. Sách Tiếng Việt thực hành và soạn thảo văn bản của Nguyễn Công Đức (chủ biên) và Nguyễn Kiên Trường

Quan điểm của các tác giả soạn thảo cuốn sách này là quan điểm tích hợp của cả hai trường phái ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp chức năng. Quan điểm của ngữ pháp truyền thống được thể hiện ở tên gọi các thành phần câu và quan điểm của trường phái chức năng thể hiện ở nội dung khái niệm về các thành phần nòng cốt. Các tác giả gọi nòng cốt câu đơn là kết cấu Chủ ngữ - Vị ngữ (tên gọi theo truyền thống), nhưng khi định nghĩa hai thành phần này thì Chủ ngữ lại là phần đề, phần nêu, tức là nói đến cái gì đó, điều gì đó; còn Vị ngữ là phần thuyết, báo, tức là thuyết minh về cái gì đó, điều gì đó (nội dung khái niệm theo trường phái chức năng) (tr.66).

Bên cạnh chủ ngữ, vị ngữ, các tác giả cũng đề cập đến các khái niệm về đồng chủ ngữ, đồng vị ngữ, đồng trạng ngữ (tr.76).

Về các thành phần ngoài nòng cốt câu, các tác giả có kể đến các thành phần: bổ ngữ, trạng ngữ, chuyển tiếp, tình thái, chú ngữ, hô ngữ và khởi ngữ. Tuy nhiên, mặc dù xếp bổ ngữ vào thành phần ngoài nòng cốt câu, trong phần trình bày về bổ ngữ các tác giả lại chỉ đề cập đến các bổ ngữ bắt buộc của động/tính từ và cho đó là thành phần thuộc nòng cốt, ví dụ như bổ ngữ chỉ đối tượng của hành động trao lấy (*Anh tặng cho em chiếc nón bài thơ,...*), bổ ngữ chỉ kẻ được cầu khiến và bổ ngữ chỉ nội dung cầu khiến (*chủ tọa mời chị ấy nói,...*), bổ ngữ chỉ kết quả biến đổi, (*IIà Nội trở thành Thủ đô Việt Nam từ năm 1945,...*), bổ ngữ chỉ nội dung ổn định, mong muốn, khả năng (*Mấy lần anh đã định nói,...*), bổ ngữ của các động từ *bị, được* (*Nó bị điểm kém...*), bổ ngữ chỉ mốc so sánh (*Nó giống mẹ,...*). Các loại bổ ngữ khác thực sự "ngoài nòng cốt câu" không được các tác giả đề cập.

Trong phần trình bày về trạng ngữ, các tác giả có kể đến trạng ngữ chỉ mục đích, nguyên nhân, không gian nơi chốn, thời gian, phương thức hành động, trạng thái, tiến trình của sự kiện hiện tượng,...Trong các loại trạng ngữ này, thì trạng ngữ chỉ trạng thái, tiến trình sự kiện, hiện tượng,...(ví dụ: *Buồn bã, cô trở về quê*) chưa được dạy ở bậc phổ thông.

Ngoài ra, các thành phần phụ ngoài nòng cốt không được các tác giả phân loại rõ, thành phần nào tham gia vào việc diễn đạt sự việc của câu và thành phần nào thì không. Nếu so sánh với SGK phổ thông thì cách phân loại này có phần không tương ứng. Bởi trong sách này, các tác giả chỉ gọi chung các thành phần như trạng ngữ, bổ ngữ, khởi ngữ, chuyển tiếp, tình thái, chú ngữ, hô ngữ là các thành phần phụ. Bên cạnh đó, SGK phổ thông cũng không có thành phần chuyển tiếp (như: *cuối cùng, do đó, đại khái là, hơn nữa,...*) mà có thành phần cảm thán (*ồ, trời, chao ôi,...*).

Nếu như các thành phần bổ ngữ, trạng ngữ, chuyển tiếp, chú ngữ, hô ngữ, khởi ngữ đều được trình bày khá chi tiết (gồm nội dung khái niệm và ví dụ) thì thành phần tình thái lại chỉ được trình bày rất sơ lược và không có bất cứ một ví dụ nào (tr.68). Cách trình bày này khiến cho sinh viên khó nhận diện được thành phần này trong câu.

Về bài tập, các dạng bài được đề cập trong sách gồm dạng bài thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ, thiếu cả chủ ngữ cả vị ngữ, thiếu bổ ngữ bắt buộc, và một số bài về thiếu các bộ phận khác trong câu như thiếu từ nối, thiếu danh từ trung tâm trong ngữ danh từ. Trong phần bài tập này, chúng tôi thấy có một vài điều cần trao đổi thêm.

Thứ nhất, ví dụ mục 2.1.7 trang 83 có một câu được cho là câu sai "*Chúng ta phải khắc phục những yếu kém và lạc hậu để đưa phong trào phát triển đồng đều*". Lỗi sai ở đây được cho là do từ "yếu kém" và "lạc hậu" là tính từ nên không thể kết hợp với "những". Theo quan điểm của chúng tôi, việc "yếu kém và lạc hậu" kết hợp với "những" là hoàn toàn bình

hường, bởi từ tiếng Việt có khả năng biến đổi từ loại trong từng trường hợp ngữ cảnh khác nhau. "Những" xuất hiện trước "yếu kém và lạc hậu" đã danh từ hóa cụm tính từ này. Trường hợp này cũng tương tự như trường hợp dưới đây:

Các học sinh cố gắng thi đua (động từ)

Thi đua là yêu nước (danh từ)

Ngoài ra, trong mục 2.3.1 (tr.86), phần "lỗi dùng lẫn công cụ ngữ pháp" có lỗi "dùng lẫn giới từ" và các tác giả đưa ra ví dụ:

Với nền nghệ thuật phong phú của dân tộc Khmer đã góp phần không nhỏ vào kho tang văn hóa Việt Nam.

Theo cách sửa lỗi của các tác giả, thì "*với*" nên bỏ đi để biến một trạng ngữ thành một chủ ngữ (*nền nghệ thuật*...), hoặc bỏ từ "*của*" và thay bằng dấu phẩy để "*dân tộc Khmer*" làm chủ ngữ. Theo chúng tôi, ví dụ này không khác là mấy so với các ví dụ được đưa ra trong mục *2.1.1. Thiếu chủ ngữ* trong sách. Và cách sửa câu trong hai mục này cũng không khác gì nhau (bỏ giới từ đằng trước để biến bộ phận liền ngay sau đó thành chủ ngữ). Như vậy, việc tách ra thành hai mục là không cần thiết và gây rối cho học sinh, bởi hệ thống phân loại càng nhiều thì người học càng khó để phân biệt.

Trong mục 3.3 trang 88, phần câu "dùng sai vị trí của bổ ngữ và trạng ngữ chỉ hướng", các tác giả có nêu một số câu sai như sau:

+ *Nó vào nhà và một lát sau đắt ra con chó mực* (sai ở vị trí của từ "*ra*").

+ *Anh ta cố quên đi nỗi buồn* (sai ở vị trí từ "*đi*").

+ *Họ không biết mình phải quên đi quá khứ* (sai ở vị trí từ "*đi*").

+ *Anh phải rút ngắn lại bài ấy* (sai ở vị trí từ "*lại*").

Chúng tôi không đồng ý với cách giải quyết này. Các kết hợp "động từ + từ chỉ hướng vận động" được vận dụng linh hoạt và có thể được thể hiện ở cả hai cách:

Động từ + bổ ngữ + từ chỉ hướng vận động (*dắt con chó mực ra*)

Động từ + từ chỉ hướng vận động + bổ ngữ (*dắt ra con chó mực*)

Có thể cách thứ hai không phải là cách hoàn hảo, nhưng vẫn được chấp nhận trong tiếng Việt (so sánh *lấy ra 2000 đồng/lấy 2000 đồng ra, rút ngắn bài ấy lại/rút ngắn lại bài ấy*...). Bởi vậy những ví dụ ở trên theo chúng tôi là không sai và không cần sửa chữa.

Trong phần 3.2. (Thay đổi trật tự các bộ phận trong câu), các tác giả đề cập đến thao tác biến đổi câu bằng cách "đảo bổ ngữ lên đầu câu", để nhằm tạo phần nêu liên kết với câu đi trước và đây là thành phần bổ ngữ đảo trí. Quan điểm này trùng với quan điểm của các tác giả Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp năm 2001. Nhưng như trên đã có dịp đề cập, việc đảo bổ ngữ lên đầu câu sẽ tạo ra một kết cấu khác với kết cấu ban đầu, và thành phần bổ ngữ khi được đảo lên đầu câu sẽ trở thành khởi ngữ của câu. Ví dụ:

+ *Hắn coi ở tù là thường* (bổ ngữ, bổ nghĩa cho động từ)

+ *Ở tù thì hắn coi là thường* (khởi ngữ, nêu đề tài của câu)

Bởi vậy, thao tác cải biến này sẽ khiến tạo ra một thành phần câu mới, và quan điểm gọi đây là bổ ngữ đảo trí không còn được ủng hộ ở thời điểm hiện tại.

2.7. Sách Dùng từ viết câu và soạn thảo văn bản của Nguyễn Thị Ly Kha

Các thành phần câu được trình bày trong sách của Nguyễn Thị Ly Kha gồm: thành phần nòng cốt (chủ ngữ, vị ngữ), thành phần phụ của câu (trạng ngữ, đề ngữ, phụ ngữ tình thái), thành phần biệt lập (giải thích/chú thích ngữ, chuyển tiếp ngữ, hô ngữ). Như vậy, so với các giáo trình khác, sách của Nguyễn Thị Ly Kha đã có sự phân biệt rõ ràng giữa thành phần phụ và thành phần biệt lập, giống như cách phân biệt của SGK phổ thông. Tuy nhiên, khái niệm về thành phần câu thì không hẳn tương ứng với khái niệm mà học sinh đã được học ở bậc phổ thông.

Thành phần phụ ngữ tình thái được tác giả định nghĩa "dùng để biểu thị ý nghĩa tình thái chủ quan (biểu thị sự đánh giá của người nói đối với sự tình được nói đến trong câu hoặc

biểu thị mối quan hệ giữa người nói với người nghe)" (tr.44). Về vị trí, phụ ngữ tình thái không có vị trí xác định trong câu, nó có thể đứng đầu, giữa, hoặc cuối câu (tr.49). Ví dụ:

+ *Có lẽ nào anh lại mê em (tr.44)*

+ *Làm như thế, theo tôi, là đúng hướng rồi (tr.49)*

+*Bài này năm điểm là cùng (tr.49)*

Quan điểm này khác với quan điểm SGK phổ thông, bởi SGK phổ thông mặc dù cũng gọi thành phần này là thành phần tình thái, nhưng cho rằng đây là thành phần biệt lập của câu.

Kiểu câu "*Trên tường treo hai bức sơn mài*" được tác giả xếp vào kiểu câu một thành phần (chỉ có bộ phận vị ngữ), cùng nhóm với các kiểu câu như:

+ *Kìa, con bướm vàng.*

+ *Nhiều sao quá.*

+ *Ồn ào một lúc lâu (tr.50)*

Kiểu câu trên phân biệt với câu đặc biệt (không phân định thành phần) và câu tỉnh lược (câu rút bớt thành phần do hoàn cảnh nói năng) ở chỗ, câu đặc biệt thì không thể xác định đó là thành phần gì của câu (câu một thành phần là còn thành phần vị ngữ), còn câu tỉnh lược thì có thể khôi phục lại các bộ phận bị lược bỏ (câu một thành phần không thể khôi phục được chủ ngữ).

Cách phân loại và giải thích của tác giả là hợp lí, tuy nhiên chúng tôi cho rằng kiểu câu "*Trên tường treo hai bức sơn mài*" không thể đặt cạnh kiểu câu "*Kìa con bướm vàng*", "*Nhiều sao quá*", "*Ồn ào một lúc lâu*". Chúng khác nhau cả về mặt cấu trúc và về mặt tính chất sự tình.

Tác giả không đề cập đến thành phần bổ ngữ và định ngữ trong hệ thống phân loại thành phần câu, nhưng ở trang 77, phần *Tách một bộ phận của câu* và trang 81, phần *Đảo bổ ngữ lên đầu câu* thì có nhắc đến hai thành phần này. Như vậy, có thể hiểu tác giả xếp bổ ngữ và định ngữ vào các thành phần phụ của cụm từ chứ không phải thành phần trực tiếp cấu tạo nên câu.

Trong phần 3.2 "*Thay đổi trật tự các bộ phận trong câu*", tác giả có đề cập đến các điều kiện để vị ngữ có thể đảo lên trước chủ ngữ, trong đó điều kiện thứ năm là "câu có cấu trúc *danh 1* → *là* → *danh 2* (danh 1 và danh 2 là danh từ hoặc cụm danh từ), ta có thể đảo thành *danh 2* → *là* → *danh 1*", ví dụ:

Anh ấy là người thông minh nhất lớp.→ *Người thông minh nhất lớp là anh ấy.*

Theo chúng tôi, cấu trúc "danh là danh" nên được tách thành một kiểu câu riêng và xét riêng, không nên xét chung với các kiểu câu khác. Bởi theo khung miêu tả của Halliday thì câu có hệ từ "là" là cấu trúc câu biểu hiện các sự tình quan hệ. Sự tình quan hệ nhất thiết đòi hỏi sự có mặt của hai tham thể tham gia vào cấu trúc. Nếu thiếu đi một trong hai tham thể thì không thể có sự tình quan hệ (đã là "quan hệ" thì phải có hai đối tượng). Cũng theo Halliday, câu biểu thị sự tình quan hệ có hai phương thức quan hệ: quan hệ đồng nhất và quan hệ định tính. Trước đó, Bưstrov, Nguyễn Tài Cẩn, N.V.Stankevich [1975, 192-193] cũng có cái nhìn tương tự về bản chất của loại câu này, khi cho "là" xuất hiện trong cấu tạo chủ vị với hai nghĩa khác nhau: 1/Ý nghĩa đồng nhất và quy phạm trù; 2/Ý nghĩa định vị

Như vậy, có thể phân biệt câu chứa hệ từ "là" thành hai loại theo ý nghĩa sự tình: câu biểu thị sự tình quan hệ đồng nhất và câu biểu thị sự tình quan hệ định tính. Đối với sự tình quan hệ đồng nhất, hai tham thể tham gia vào cấu trúc là bị đồng nhất thể (identified) và đồng nhất thể (identifier), ví dụ:

Cô ấy là sinh viên xinh đẹp nhất ở đây

BĐNT ĐNT

Đối với sự tình quan hệ định tính, hai tham thể tham gia vào cấu trúc là đương thể (carrier) và thuộc tính thể (Attributor), ví dụ:

Cô ấy là sinh viên

ĐT TTT

Đối với hai kiểu câu biểu thị hai kiểu sự tình này, thì chỉ có kiểu câu thứ nhất có thể thực hiện thao tác cải biến hoán đổi vị trí của thành phần bị đồng nhất thể và đồng nhất thể. Còn kiểu câu thứ hai thì thuộc tính thể không thể đảo lên trước để đứng vào vị trí của đương thể (xét *Sinh viên xinh đẹp nhất ở đây là cô ấy* / * *Sinh viên là cô ấy*).

Theo đó, hai ví dụ trong sách về việc cải biến thành phần câu chỉ là ví dụ về kiểu câu thứ nhất đang được xét đến ở đây (chỉ sự tình đồng nhất), chứ không phải là ví dụ đại diện cho tất cả kiểu câu của cấu trúc "danh là danh". Về điều này, sách nên có những chỉnh sửa nhất định để tránh nhầm lẫn cho sinh viên.

3. Nhận xét

Về các thành phần câu được dạy trong sách tiếng Việt thực hành, chúng tôi tổng kết trong bảng như sau:

Bảng tổng kết các thành phần câu được đề cập trong một số sách Tiếng Việt thực hành

STT	Tên sách	Tác giả	Các thành phần câu được đề cập
1.	Tiếng Việt thực hành	Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh	Thành phần chính: *Chủ ngữ; Vị ngữ* Các thành phần phụ: (không nêu rõ)
2.	Bài tập tiếng Việt thực hành	Trần Trí Dõi	Thành phần chính: *Chủ ngữ; Vị ngữ* Thành phần phụ : (không nêu rõ)
3.	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng	Thành phần chính: *Chủ ngữ; Vị ngữ* Thành phần phụ: *Trạng ngữ; Đề ngữ. Chuyển tiếp; Hô đáp; Phụ chú*
4.	Sách Rèn luyện Ngôn ngữ tập 2	Phan Thiều	Thành phần chính: *Chủ ngữ; Vị ngữ* Về phụ ngoài nòng cốt: *Trạng ngữ; Vị ngữ phụ*
5.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp	Thành phần chính: *Chủ ngữ; Vị ngữ; Bổ ngữ bắt buộc* Thành phần phụ: *Trạng ngữ*
6.	Tiếng Việt thực hành và soạn thảo văn bản	Nguyễn Công Đức (chủ biên), Nguyễn Kiên Trường:	Nòng cốt câu: *Chủ ngữ; Vị ngữ* Ngoài nòng cốt: *Bổ ngữ; Trạng ngữ; Chuyển tiếp; Tình thái; Chú ngữ; Hô ngữ; Khởi ngữ*
7.	Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản	Nguyễn Thị Ly Kha	Thành phần chính: *Chủ ngữ; Vị ngữ* Thành phần phụ: *Trạng ngữ; Đề ngữ; Phụ ngữ tình thái* Thành phần biệt lập: *Giải thích/Chú ngữ; Chuyển tiếp ngữ; Hô ngữ*

Thông qua việc khảo sát các sách dạy tiếng Việt thực hành, có thể thấy về cơ bản các sách đều thống nhất ở các dạng bài tập, các kiến thức chính về thành phần câu. Ngoài ra, còn có một số điểm chưa thống nhất và vẫn cần phải bàn thêm.

Mỗi sách có một cách trình bày riêng về hệ thống thành phần phụ của câu, đa phần đều không chỉ rõ các thành phần phụ của câu gồm những thành phần gì. Và trong quá trình làm bài tập, sinh viên cũng chỉ cần phân tích câu ra thành phần nòng cốt và thành phần phụ mà không cần quan tâm đến tên gọi của các thành phần đó. Tuy nhiên, việc một số sách trình bày về các thành phần không tương ứng với SGK phổ thông và quan điểm về các kiểu câu không không phân biệt rõ ràng (câu đặc biệt và câu tỉnh lược), chúng tôi cho rằng giáo viên khi dạy đến nội dung này nên có sự giải thích cụ thể.

Việc không tương ứng giữa kiến thức trong SGK phổ thông và các sách dạy Tiếng Việt thực hành, theo chúng tôi, nguyên nhân chính là do quan điểm khác nhau của tác giả thuộc

hai hệ thống này. Và ngay trong hệ thống sách Tiếng Việt thực hành, quan điểm của các tác giả cũng không thống nhất. Do vậy, trước khi kiến thức đến được với các em sinh viên, người dạy phải kiểm tra và bổ sung thêm các kiến thức cho các em để việc tiếp nhận được dễ dàng và có hệ thống.

5. Kết luận

Ngữ pháp là địa hạt vẫn còn rất nhiều những quan điểm tranh cãi và bất đồng. Mỗi vấn đề ngữ pháp vẫn thường có hơn một quan điểm giải quyết. Mỗi nhà ngữ pháp học lại theo một khuynh hướng, một trường phái riêng và nhiều lúc các khuynh hướng, trường phái lại có xu hướng phủ nhận nhau một cách gay gắt. Việc dạy ngữ pháp nói chung, dạy thành phần câu nói riêng cho học sinh, sinh viên trong nhà trường vì thế cũng gặp nhiều những quan điểm trái chiều. Tuy nhiên, học sinh sinh viên không phải là những người nghiên cứu ngữ pháp, các em không có trách nhiệm phải tìm hiểu các khuynh hướng, trường phái, cũng như không có trách nhiệm phải bảo vệ quan điểm của một người nào đó. Bởi vậy, vấn đề dạy ngữ pháp trong trường học phải được thực hiện một cách thống nhất, dễ hiểu và trên nguyên tắc giúp các em sử dụng đúng và hay tiếng mẹ đẻ trong tạo lập văn bản và giao tiếp chứ không phải chỉ học thuộc và thuần thục các quy tắc lí thuyết. Việc cập nhật các thông tin cần thiết và mới mẻ cũng là một yêu cầu bức thiết đối với mỗi người giáo viên dạy môn này. Có hiểu rõ quan điểm của tác giả trong từng giáo trình Tiếng Việt thực hành và nắm được những vận động biến đổi xung quanh ngôn ngữ mình đang giảng dạy, người giáo viên mới có thể truyền tải được những kiến thức ấy cho người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1998), *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Trần Trí Dõi (2002), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

3. Đỗ Hồng Dương (2010), *Về chủ ngữ trong một số kiểu câu có thành tố chỉ không gian đứng đầu*, Tạp chí Ngôn ngữ số 11/2010, tr. 46-57.

4. Nguyễn Công Đức (chủ biên), Nguyễn Kiên Trường (2007), *Tiếng Việt thực hành và soạn thảo văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

5. Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2003), *Câu trong tiếng Việt - Quyển 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

7. Nguyễn Thị Ly Kha (2007), *Dùng từ viết câu và soạn thảo văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

8. Đào Thanh Lan (1981), *Tìm hiểu từ "là" trong cấu trúc câu tiếng Việt* (Một số vấn đề ngôn ngữ học Việt Nam - Kỉ yếu Hội nghị Ngôn ngữ học toàn quốc lần 1), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, tr. 297-298.

9. Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh (2003), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

10. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt - Câu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

11. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện Ngôn ngữ tập 2, Bài tập tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục. Hà Nội.

12. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

13. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1999), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Phạm Văn Tình (2002), *Phép tỉnh lược và ngữ trực thuộc tỉnh lược trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

15. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2006), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục. Hà Nội.